

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ UBND ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 47/TTr –SNN ngày 18 tháng 5 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tiết 1, mục I, điểm a, khoản 1, Điều 3:

TT	LOẠI CÂY	Đơn vị tính	Mật độ trồng qui chuẩn
a	Cây trồng		
I	Cây lương thực, thực phẩm		
1	Bầu, bí, mướp, gấc, su su	Héc/ha	8.000

## 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5:

## a) Sửa đổi, bổ sung điểm 11, mục III như sau:

<b>III</b>	<b>Cây ăn quả</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Đơn giá (VNĐ)</b>
11	<b>Cây đu đủ</b>		
	- Mới trồng, chưa có quả	Cây	18.000
	- Đang có quả	Cây	234.000
	- Cây trồng đã thu hái quả	Cây	150.000

## b) Sửa đổi, bổ sung điểm 1, mục V.1 như sau:

<b>V</b>	<b>Cây lâm nghiệp</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Đơn giá (VNĐ)</b>
<b>V.1</b>	<b>Cây lấy gỗ</b>		
1	Nhóm cây quý hiếm và nghiêm cấm khai thác vào mục đích thương mại: Sưa, Hoàng Đàn, Đinh, Lim, Sến, Nghiến, Trai lý		
	- Mới trồng, đường kính gốc < 5cm	Cây	24.000
	- Đường kính gốc từ 5 cm đến 10cm	Cây	58.000
	- Đường kính gốc >10 cm đến 15cm	Cây	254.000
	- Đường kính gốc >15 cm đến 20cm	Cây	485.000
	- Đường kính gốc > 20cm đến 25cm	Cây	725.000
	- Đường kính gốc > 25cm đến 30cm	Cây	1.500.000
	- Đường kính gốc >30cm	Cây	1.800.000

## c) Sửa đổi, bổ sung tiết 9.2, điểm 9, mục V.1 như sau:

<b>TT</b>	<b>LOẠI CÂY TRỒNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Đơn giá (VNĐ)</b>
<b>V</b>	<b>Cây lâm nghiệp</b>		
<b>V.1</b>	<b>Cây lấy gỗ</b>		
<b>9</b>	<b>Cây gỗ cho sản phẩm quả, vỏ: Dẻ lấy quả, Trám, Sấu, Trầu, Sỡ, Hò, Quế</b>		
<b>9.2</b>	<b>Cây Trám</b>		
	- Mới trồng, đường kính gốc <2cm	Cây	55.000
	- Đường kính gốc từ 2cm đến 5cm	Cây	130.000
	- Đường kính gốc > 5cm đến 10cm	Cây	230.000
	- Đường kính gốc >10cm đến 15cm	Cây	430.000
	- Đường kính gốc >15cm đến 20cm	Cây	840.000

- Đường kính gốc >20cm đến 25cm	Cây	1.000.000
- Đường kính gốc >25cm đến 30cm	Cây	1.330.000
- Đường kính gốc > 30cm	Cây	1.670.000

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1, Điều 7:

“1. Đối với các loại cây trồng vật, nuôi không có tên trong bảng giá quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này, khi lập phương án bồi thường tùy từng trường hợp cụ thể vận dụng áp giá bồi thường theo giá của loại cây cùng nhóm, cùng họ có giá trị tương đương. Trường hợp đặc biệt (không có nhóm cây trồng tương tự) thì lập đơn giá riêng trình thẩm định và phê duyệt cùng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đối với cây lâm nghiệp khi kiểm đếm thực tế xuất hiện những cây trồng chưa có trong bảng đơn giá thì tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ vào Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành bản phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm để xác định cây ở nhóm gỗ nào thì xem xét áp dụng đơn giá bồi thường ở nhóm gỗ đó.”

b) Sửa đổi bổ sung khoản 6, Điều 7:

“6. Đối với các loại cây mọc tự nhiên (cây không nằm trong vùng đất quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt) nhưng có sự chăm sóc, bảo vệ thì tính bồi thường bằng 50% đơn giá cây cùng loại, cùng nhóm hoặc có giá trị tương đương”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, TC, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh, các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB ;U
- Công báo tỉnh; Báo Lạng Sơn, Đài PT-TH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (VQK).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Thương**